

Số: **47** /2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 (sau đây viết chung là Luật);

Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 4 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết chung là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;



Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục lập đề nghị, dự kiến Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo, thẩm định, ban hành, hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Thông tư này bao gồm:

- a) Luật, nghị quyết của Quốc hội;
- b) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- c) Nghị định của Chính phủ;
- d) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

3. Việc xây dựng, ban hành thông tư về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực công thương thực hiện theo quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật và quy định tại Thông tư này.

4. Việc xây dựng, ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 110 của Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Vụ, Cục, Tổng cục Quản lý thị trường, Văn phòng Bộ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Thanh tra Bộ (sau đây viết tắt là các đơn vị thuộc Bộ), tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 3. Công tác chỉ đạo xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

2. Các Thứ trưởng chỉ đạo công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc đối với đơn vị chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc đảm bảo



tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 4. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 5. Kiểm soát thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật có chứa thủ tục hành chính, trong quá trình lập đề nghị, soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản, các đơn vị thuộc Bộ thực hiện bổ sung các hoạt động theo quy định tại Chương II Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 6. Kiểm soát ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

Đối với các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn vị chủ trì bổ sung trong đề nghị xây dựng văn bản các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Công an và chuyên gia trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quá trình lập đề nghị và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Lấy ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

3. Lấy ý kiến của Bộ Công an trong trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến an ninh, trật tự.

4. Đối với dự thảo văn bản có nội dung phức tạp hoặc yếu tố kỹ thuật chuyên ngành, trong trường hợp cần thiết, khi tiến hành lập hồ sơ đề nghị, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 10 và Điều 23 Thông tư này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có thể lấy ý kiến của các chuyên gia. Việc sử dụng chuyên gia thực hiện theo quy định tại Điều 175 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Chương II
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
Mục 1
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI,
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI DO CHÍNH PHỦ TRÌNH

Điều 8. Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Việc lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Luật của Quốc hội;
- b) Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật;
- c) Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- d) Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật.

2. Trước khi triển khai việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều này, các đơn vị thuộc Bộ phải tiến hành các hoạt động sau đây:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản;

b) Tổ chức nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan để hỗ trợ cho việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;

c) Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; đánh giá tác động của chính sách;

d) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết, sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua;

đ) Xác định rõ thời gian chuẩn bị hồ sơ, thời gian tổ chức lấy ý kiến, thời gian gửi Bộ Tư pháp thẩm định, thời gian trình Chính phủ xem xét, thông qua.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết gồm các tài liệu quy định tại Điều 37 của Luật.

Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản có nội dung về thủ tục hành chính thì đơn vị lập đề nghị bổ sung các tài liệu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thì đơn vị lập đề nghị bổ sung các tài liệu theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Việc xây dựng nội dung chính sách và đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 10. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng các hình thức quy định tại Điều 36 của Luật, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này.

2. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực, đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Văn phòng Chính phủ) để đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ; gửi Văn phòng Bộ (kèm bút phê đồng ý của Lãnh đạo Bộ) để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi và cập nhật tiến độ.

Kết thúc thời gian đăng tải, Văn phòng Bộ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết về các ý kiến nhận được trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.

Điều 11. Thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết và gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được chỉnh lý trình Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật; đồng thời, đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương.

2. Đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; đồng thời, gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được chỉnh lý kèm theo báo cáo giải trình, tiếp thu cho Bộ Tư pháp khi trình Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

11

Điều 12. Trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Đơn vị lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực và Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị (sau đây viết tắt là Lãnh đạo Bộ phụ trách) trước khi trình Bộ trưởng ký trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp của Chính phủ. Hồ sơ trình Chính phủ gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật.

2. Trên cơ sở nghị quyết của Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị lập đề nghị xây dựng có trách nhiệm chỉnh lý theo nghị quyết của Chính phủ và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

3. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được gửi đến Bộ Tư pháp để lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cho năm sau hoặc năm tiếp theo của năm sau (năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Mục 2

ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 13. Đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật

1. Đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 85 của Luật; lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 của Luật và Điều 7 Thông tư này. Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản có chứa thủ tục hành chính; có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh thì đơn vị lập đề nghị phải thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

2. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực, đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Văn phòng Chính phủ) để đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ; gửi Văn phòng Bộ (kèm bút phê đồng ý của Lãnh đạo Bộ) để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi và cập nhật tiến độ.

Kết thúc thời gian đăng tải, Văn phòng Bộ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định về các ý kiến nhận được trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.

3. Đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 của Luật và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực; đồng thời đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương.

4. Trên cơ sở nội dung đã được phê duyệt của Lãnh đạo Bộ phụ trách, đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định trình Bộ trưởng ký trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 89 của Luật.

Điều 14. Đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật

1. Đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 85 của Luật; lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 của Luật, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư này. Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản có chứa thủ tục hành chính; có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh thì đơn vị lập đề nghị phải thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

Việc xây dựng nội dung chính sách và đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị định thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

2. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực, đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Văn phòng Chính phủ) để đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ; gửi Văn phòng Bộ (kèm bút phê đồng ý của Lãnh đạo Bộ) để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi và cập nhật tiến độ.

Kết thúc thời gian đăng tải, Văn phòng Bộ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định về các ý kiến nhận được trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.

3. Đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 của Luật trước khi trình Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 88 của Luật; đồng thời, đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương.

4. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị lập đề nghị xây dựng nghị định chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định trình Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực phê duyệt nội dung

trước khi trình Bộ trưởng ký trình Chính phủ xem xét, thông qua theo quy định tại Điều 89 của Luật.

Điều 15. Hồ sơ đề xuất đưa nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Chương trình)

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật đã được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền về chủ trương xây dựng văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế văn bản thể hiện nội dung đồng ý của cấp có thẩm quyền và công văn đề xuất đưa vào Chương trình, trong đó nêu rõ tên văn bản và thời gian dự kiến trình (cụ thể đến tháng).

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật chưa có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền về chủ trương xây dựng văn bản, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách, trong đó phải thể hiện các nội dung: Sự cần thiết, căn cứ pháp lý ban hành văn bản; chính sách cơ bản, nội dung chính của văn bản; dự kiến danh mục thủ tục hành chính (nếu có); các đề xuất về sửa đổi, bổ sung, thay thế ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (nếu có); thông tin về cơ quan chủ trì soạn thảo; nguồn lực bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản.

Sau khi được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế văn bản thể hiện nội dung đồng ý của Lãnh đạo Bộ kèm theo công văn đề xuất đưa vào Chương trình, trong đó nêu rõ tên văn bản và thời gian dự kiến trình (cụ thể đến tháng).

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 16. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

1. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Chương trình) được tổng hợp trên cơ sở giao nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền và đề nghị của các đơn vị thuộc Bộ .

2. Chương trình bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên văn bản quy phạm pháp luật cần được xây dựng, ban hành;
- b) Thời gian trình đối với từng văn bản (cụ thể đến tháng);
- c) Đơn vị chủ trì soạn thảo đối với từng văn bản;
- d) Các nội dung cần thiết khác.

1875

1875

3. Chương trình do Bộ trưởng ban hành hằng năm theo Mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và có thể được Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

4. Chương trình là cơ sở để phân bổ kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Điều 17. Chuẩn bị Chương trình

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi Vụ Pháp chế tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, đưa vào Chương trình đối với các đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ, văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản đồng ý thông qua đối với nghị định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật.

2. Trước ngày 25 tháng 11 hằng năm, đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến Vụ Pháp chế tổng hợp để báo cáo Bộ trưởng.

Điều 18. Ban hành Chương trình

Căn cứ kết quả đồng ý của Lãnh đạo Bộ đối với đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ và trên cơ sở giao nhiệm vụ hoặc đồng ý thông qua của cấp có thẩm quyền, Vụ Pháp chế dự thảo Quyết định ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và trình Bộ trưởng xem xét, ban hành chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 19. Thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách; bảo đảm tiến độ soạn thảo, quy trình, chất lượng dự thảo văn bản; chịu trách nhiệm cập nhật tiến độ hằng tuần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Vụ Pháp chế để thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo thời hạn cập nhật, tính chính xác của tiến độ được cập nhật;

b) Thực hiện chế độ báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật định kỳ đối với báo cáo tiến độ tuần (Thời hạn gửi báo cáo tiến độ cho Vụ Pháp chế là trước 11 giờ 00 phút ngày thứ 6 hằng tuần qua địa chỉ email: vpc@moit.gov.vn); báo cáo tiến độ năm (Thời hạn gửi báo cáo tiến độ cho Vụ Pháp chế là trước ngày 15 tháng 11 hằng năm). Sau thời hạn trên, nếu Vụ Pháp chế không nhận được báo cáo tiến độ của đơn vị, Vụ Pháp chế sẽ lấy tiến độ tuần gần nhất để tổng hợp tiến độ xây dựng văn bản báo cáo Bộ trưởng. Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không báo cáo tiến độ tuần gửi Vụ Pháp chế tổng hợp.

Trường hợp ngày báo cáo tiến độ trùng với ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật, các đơn vị gửi cập nhật vào ngày trước ngày nghỉ đó;

c) Báo cáo nêu rõ nguyên nhân của văn bản chậm tiến độ và đề xuất biện pháp khắc phục;

d) Chịu trách nhiệm trong suốt quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho đến khi ban hành và chịu trách nhiệm trong quá trình triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Đôn đốc và tổng hợp báo cáo của các đơn vị về tiến độ thực hiện Chương trình;

b) Báo cáo Bộ trưởng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình;

c) Báo cáo hằng tuần, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Điều chỉnh, bổ sung Chương trình

1. Việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đưa ra khỏi Chương trình đối với văn bản quy phạm pháp luật chưa cần thiết ban hành trong năm đó hoặc không còn cần thiết phải ban hành do có sự thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội;

b) Bổ sung vào Chương trình đối với văn bản quy phạm pháp luật cần được xây dựng, ban hành do yêu cầu cấp thiết của công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; văn bản quy phạm pháp luật phải sửa đổi, bổ sung theo các văn bản mới được ban hành để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật hoặc để thực hiện các điều ước quốc tế; văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền thông qua đề nghị, đề xuất xây dựng hoặc văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhưng chưa có trong Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm đó của Bộ Công Thương;

c) Điều chỉnh thời gian trình theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp có sự điều chỉnh, bổ sung Chương trình trong năm, đơn vị thuộc Bộ đề nghị điều chỉnh, bổ sung có trách nhiệm báo cáo và được sự đồng ý của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực (báo cáo nêu rõ nội dung cần điều chỉnh, bổ sung và giải trình cụ thể lý do điều chỉnh) trước khi báo cáo Bộ trưởng chấp thuận.

3. Căn cứ ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng và công văn đề xuất điều chỉnh, bổ sung của đơn vị, Vụ Pháp chế tổng hợp đề nghị điều chỉnh, bổ sung Chương trình và trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung Chương trình vào tháng 7 và tháng 12 hằng năm.

Chương IV

SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

1. Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết, việc soạn thảo được thực hiện thông qua Ban soạn thảo và Tổ biên tập theo quy định tại các Điều 52, Điều 53, Điều 54 của Luật và các Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức xây dựng dự thảo nghị định trên cơ sở các nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua đối với nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 và Chính phủ thông qua đối với nghị định quy định khoản 3 Điều 19 của Luật; bảo đảm tính thống nhất với các quy định của văn bản được quy định chi tiết đối với nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật.

Trường hợp không thành lập Ban soạn thảo thì đơn vị chủ trì soạn thảo có thể báo cáo Bộ trưởng thành lập Tổ biên tập để soạn thảo nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 22. Soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch

1. Việc soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch được thực hiện thông qua Tổ soạn thảo.

2. Tổ soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải có thành phần gồm Tổ trưởng là lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo và các thành viên là đại diện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tổ soạn thảo thông tư của Bộ trưởng phải có thành phần gồm Tổ trưởng là đại diện của đơn vị chủ trì soạn thảo và các thành viên là đại diện Vụ Pháp chế, đại diện các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tổ soạn thảo thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo phải có thành phần gồm Tổ trưởng là lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo và các thành viên là đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo lên kế hoạch chi tiết và tổ chức việc soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chất lượng, đảm bảo tiến độ được giao theo Chương trình.

4. Trường hợp thông tư cần được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc các thông tư có yêu cầu xây dựng, trình hoặc ban hành gấp thì đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ trưởng xem xét, cho phép soạn thảo văn bản mà không phải thành lập Tổ soạn thảo.

Điều 23. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

Red ink markings on the left margin.

1. Trong quá trình soạn thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và bằng các phương thức quy định tại Điều 57, Điều 91, điểm d khoản 2 Điều 97, khoản 2 Điều 101 của Luật và phù hợp với từng văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến. Đối với soạn thảo nghị định, đơn vị chủ trì soạn thảo lấy ý kiến Hội đồng dân tộc, nếu trong dự thảo nghị định có quy định về việc thực hiện chính sách dân tộc.

2. Việc đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Thủ trưởng đơn vị được đề nghị tham gia ý kiến chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị mình.

4. Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối với đối tượng có liên quan theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

Điều 24. Đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách về việc đăng tải toàn văn dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Công thông tin điện tử Chính phủ (Văn phòng Chính phủ) để đăng tải dự thảo văn bản trên Công thông tin điện tử Chính phủ và gửi Văn phòng Bộ (kèm bút phê đồng ý của Lãnh đạo Bộ) để đăng tải trên Công thông tin điện tử Bộ Công Thương, đồng thời thực hiện đăng tải trên công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị chủ trì soạn thảo (nếu có). Kết thúc thời gian đăng tải, Văn phòng Bộ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì soạn thảo về các ý kiến nhận được trên Công thông tin điện tử Bộ Công Thương.

Trong thời gian dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý.

2. Đối với việc đăng tải dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đăng tải toàn văn dự thảo văn bản, tờ trình và các tài liệu khác (nếu có) để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Đối với việc đăng tải dự thảo quyết định và thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và các tài liệu khác (nếu có) để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi bút phê đồng ý của Lãnh đạo Bộ và công văn đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan đăng tải đến Vụ Pháp chế để theo dõi, cập nhật tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 25. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị chủ trì soạn thảo phải giải trình cụ thể.

2. Sau khi chỉnh lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực về tiến độ, nội dung, các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn có ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương.

Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể tiếp tục lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài Bộ.

3. Đối với dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trước khi gửi Vụ Pháp chế thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi Vụ Khoa học và Công nghệ để thẩm tra và Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương.

4. Đối với các nội dung liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá, trước khi gửi Vụ Pháp chế thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính để lấy ý kiến về chuyên môn.

Điều 26. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng thực hiện theo quy định tại Điều 146, Điều 147, Điều 148 và Điều 149 của Luật.

2. Thông tư của Bộ trưởng được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn trong các trường hợp:

a) Trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật;

b) Cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 146 của Luật;

c) Cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 146 của Luật.

3. Trường hợp thông tư của Bộ trưởng được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi xin ý kiến Bộ Tư pháp về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với Thông tư đó. Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm: Văn bản đề nghị của Bộ Công Thương, trong đó thể hiện các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; ý kiến của Bộ Tư pháp và các nội dung khác (nếu có).

4. Trường hợp Thông tư của Bộ trưởng được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Chương V

THẨM ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 27. Thẩm quyền thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Dự án luật của Quốc hội, dự thảo pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 58, Điều 92, Điều 98 của Luật.

2. Dự thảo thông tư của Bộ trưởng do Vụ Pháp chế thẩm định trước khi trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành.

Điều 28. Hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định đối với dự thảo thông tư

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi công văn đề nghị kèm theo hồ sơ bằng bản giấy hoặc bản điện tử đến Vụ Pháp chế để thẩm định. Trong đó, tờ trình và dự thảo văn bản phải gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại có thể gửi bằng bản điện tử. Trường hợp gửi bằng bản giấy, số lượng hồ sơ gửi Vụ Pháp chế để thẩm định nội bộ là 04 (bốn) bộ.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

Vertical red markings on the left edge of the page.

a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;

b) Dự thảo thông tư;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm các ý kiến được tổng hợp trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương) và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; văn bản góp ý về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Văn phòng Bộ;

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Đối với dự thảo thông tư xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;

b) Dự thảo thông tư;

c) Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến góp ý trong trường hợp lấy ý kiến;

d) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; văn bản góp ý về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ và báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý của Văn phòng Bộ;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

4. Đối với dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá, hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;

b) Dự thảo thông tư;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm các ý kiến được tổng hợp trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công Thương) và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; văn bản góp ý về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Văn phòng Bộ;

e) Ý kiến thẩm tra của Vụ Khoa học và Công nghệ và ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; văn bản góp ý về chuyên môn của Vụ Kế hoạch - Tài chính trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá.

g) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 29. Tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định

1. Vụ Pháp chế tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư do các đơn vị gửi để thẩm định.

2. Trường hợp thành phần hồ sơ gửi thẩm định chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 28 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

Điều 30. Tổ chức việc thẩm định

1. Việc thẩm định dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế thực hiện.

2. Đối với dự thảo thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thì Vụ Pháp chế đề nghị Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Đối với dự thảo thông tư có chuyên môn liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định để đánh giá sự phù hợp về quy trình, thủ tục, hồ sơ xây dựng thông tư theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Thời hạn tổ chức thẩm định:

a) Không quá 06 ngày kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư;

b) Không quá 04 ngày kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

5. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật còn những vấn đề có ý kiến khác nhau, Vụ Pháp chế phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo để xử lý. Trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế đề nghị Lãnh đạo Bộ chủ trì họp với các đơn vị liên quan để thảo luận về những vấn đề đó trước khi tổ chức thẩm định.

Điều 31. Nội dung thẩm định

Nội dung thẩm định dự thảo thông tư tập trung vào những vấn đề sau đây:

1. Sự cần thiết ban hành thông tư; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của thông tư;
2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;
3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
4. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
5. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành thông tư;
6. Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

Điều 32. Báo cáo thẩm định

1. Chậm nhất 04 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định, Vụ Pháp chế hoàn thành báo cáo thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo.
2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này.

Chương VI

TRÌNH, BAN HÀNH, CÔNG BỐ, DỊCH, HỢP NHẤT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 33. Lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ về dự thảo thông tư của Bộ trưởng

1. Đơn vị chủ trì có văn bản gửi Vụ Pháp chế để lấy ý kiến của Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách đối với dự thảo thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành. Hồ sơ bao gồm:
 - a) Tờ trình ban hành thông tư;
 - b) Dự thảo thông tư;
 - c) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến góp ý;

Handwritten signature

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);

đ) Văn bản góp ý về thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ và báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Văn phòng Bộ, trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính;

e) Ý kiến thẩm tra của Vụ Khoa học và Công nghệ và ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; văn bản góp ý của Vụ Kế hoạch - Tài chính trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá.

g) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;

h) Tài liệu khác (nếu có).

2. Trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo thông tư, các Lãnh đạo Bộ được lấy ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến vào Phiếu lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ và gửi Vụ Pháp chế.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp ý kiến các Lãnh đạo Bộ và gửi đơn vị chủ trì soạn thảo để giải trình, tiếp thu ý kiến và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

4. Các Lãnh đạo Bộ khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu có ý kiến đối với dự thảo thông tư thì trực tiếp báo cáo Bộ trưởng quyết định.

Điều 34. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để Bộ trưởng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 40, Điều 59, Điều 93 và Điều 99 của Luật.

2. Hồ sơ trình xem xét, thông qua văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định như sau:

a) Hồ sơ trình dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bao gồm tờ trình, dự thảo, báo cáo thẩm tra;

b) Hồ sơ trình dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ bao gồm tờ trình, dự thảo, báo cáo thẩm định.

Điều 35. Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí

1. Việc cung cấp thông tin đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo để xây dựng Thông cáo báo chí, gồm:

a) Luật, pháp lệnh, nghị quyết chứa đựng quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi Chủ tịch nước ký lệnh công bố;

b) Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

2. Đối với trường hợp văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Văn phòng Chủ tịch nước về văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí theo quy định tại Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

3. Đối với trường hợp văn bản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm soạn thảo văn bản cung cấp thông tin, gửi Bộ Tư pháp bằng hình thức công văn và thư điện tử, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi chung;

b) Nội dung văn bản cung cấp thông tin thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 36. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật phải được hợp nhất về mặt kỹ thuật với văn bản được sửa đổi, bổ sung.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo khi được sửa đổi, bổ sung, gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì soạn thảo.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoàn thành việc hợp nhất văn bản, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ký xác thực văn bản hợp nhất và thực hiện việc đăng tải văn bản hợp nhất như sau:

Handwritten notes on the left margin, including a red mark and some illegible text.

a) Đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Chính phủ trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác thực, để đưa lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ; gửi văn bản hợp nhất cho cơ quan Công báo để thực hiện việc đăng Công báo;

b) Đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất (bản điện tử định dạng “.doc” của văn bản và bản PDF có dấu đỏ) cho Vụ Pháp chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác thực, để thực hiện việc cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành văn bản quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoàn thành việc hợp nhất văn bản, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ký xác thực văn bản hợp nhất và thực hiện việc đăng tải văn bản hợp nhất như sau:

a) Đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Bộ trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác thực, để đưa lên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; gửi văn bản hợp nhất cho cơ quan Công báo để thực hiện việc đăng Công báo.

b) Đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất (bản điện tử định dạng “.doc” của văn bản và bản PDF có dấu đỏ) cho Vụ Pháp chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác thực, để thực hiện việc cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm đảm bảo thời hạn, tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất theo quy định tại Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012. Trường hợp để xảy ra sai sót phải chịu trách nhiệm và phải xử lý kịp thời theo quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012.

Điều 37. Công bố điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Đối với các luật, pháp lệnh, nghị định có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư các nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nội dung công bố điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này là 05 ngày làm việc kể từ ngày các luật, pháp lệnh, nghị định được ban hành.

Điều 38. Trình ký ban hành thông tư

0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

1. Hồ sơ trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư bao gồm:

- a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;
- b) Dự thảo thông tư đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này;
- c) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- d) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo;
- đ) Báo cáo đánh giá tác động; bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);
- e) Văn bản góp ý của Vụ Kế hoạch - Tài chính trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá.
- g) Dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính quy định trong dự thảo thông tư (nếu có);
- h) Tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực công thương bao gồm:

- a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;
- b) Dự thảo thông tư đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này;
- c) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;
- d) Ý kiến thẩm tra của Vụ Khoa học và Công nghệ, ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra, thẩm định;
- đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo thông tư;
- e) Báo cáo đánh giá tác động chính sách (nếu có); bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính;
- g) Dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính quy định trong dự thảo (nếu có);
- h) Tài liệu khác (nếu có).

1

2

3

4

5

3. Hồ sơ trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm:

- a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;
- b) Dự thảo thông tư đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này;
- c) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;
- d) Tài liệu khác (nếu có).

4. Dự thảo thông tư trình Bộ trưởng ký ban hành phải có đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này tương ứng với từng trường hợp; chữ ký tắt của lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo và của lãnh đạo Vụ Pháp chế ở góc phải cuối mỗi trang của dự thảo văn bản; chữ ký tắt của Lãnh đạo Văn phòng Bộ vào vị trí cuối cùng ở phần “Nơi nhận”.

Điều 39. Phát hành thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo

1. Sau khi thông tư, thông tư liên tịch được Bộ trưởng ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Văn phòng Bộ 02 (hai) bản đã được ký kèm theo bản điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử so với bản chính của thông tư, thông tư liên tịch;

2, Văn phòng Bộ vào sổ thông tư, thông tư liên tịch, đóng dấu, lưu trữ, nhân bản, gửi thông tư, thông tư liên tịch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo phần “Nơi nhận” của thông tư, thông tư liên tịch và gửi trả hồ sơ trình ký cho đơn vị chủ trì soạn thảo;

3. Văn phòng Bộ kiểm soát thời hạn có hiệu lực của thông tư, thông tư liên tịch trong quá trình phát hành văn bản đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 151 của Luật.

Điều 40. Đăng Công báo; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Công Thương; đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; đối với văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Bộ gửi thông tư, thông tư liên tịch (bản giấy và bản điện tử) đến Văn phòng Chính phủ để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, đồng thời thực hiện đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế toàn văn văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo (bản điện tử định dạng “.doc” của văn bản và bản PDF có dấu đỏ)

1

1

1

đề đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng.

Điều 41. Pháp điển văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do mình chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được Bộ giao quản lý.

2. Việc pháp điển phải đảm bảo các nguyên tắc; tính chính xác, đầy đủ về nội dung theo đề mục; đúng quy trình, thủ tục và tuân thủ kỹ thuật pháp điển quy định tại Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật năm 2012 và Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm đảm bảo thời hạn, tính chính xác về nội dung, kỹ thuật pháp điển theo quy định tại Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật năm 2012. Trường hợp để xảy ra sai sót phải chịu trách nhiệm, đồng thời chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan xử lý theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật năm 2012.

Điều 42. Dịch văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Thông tấn xã Việt Nam và các đơn vị có liên quan dịch các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo và trong điều kiện cho phép có thể dịch những văn bản khác ra tiếng Anh, tiếng nước ngoài khác hoặc dịch ra tiếng dân tộc thiểu số đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của các dân tộc thiểu số.

2. Việc dịch văn bản được thực hiện theo hình thức thuê tổ chức, cá nhân có chuyên môn.

3. Bản dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác hoặc tiếng dân tộc thiểu số phải đảm bảo đúng tinh thần của văn bản được dịch, đảm bảo tính chính xác của nội dung văn bản được dịch và chỉ có giá trị tham khảo.

Điều 43. Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo xây dựng kế hoạch phổ biến văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phối hợp với Vụ Pháp chế để phổ biến văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.



Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì soạn thảo:

a) Đảm bảo việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy trình quy định tại Luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì xây dựng và phối hợp với Văn phòng Bộ trong các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính khác theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

c) Thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về báo cáo tiến độ văn bản của đơn vị mình;

d) Đối với trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền giao xây dựng mà chưa có trong Chương trình, đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động thực hiện quy trình xây dựng văn bản theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư này.

đ) Đảm bảo thông tư, thông tư liên tịch được gửi đầy đủ đến các cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra và đăng Công báo theo quy định.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc đảm bảo thời hạn và chất lượng kết quả thẩm định thông tư mà đơn vị gửi đến. Đối với dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá, Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm đảm bảo thông tư được xây dựng và ban hành theo đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư này;

b) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc báo cáo tiến độ; đôn đốc và tổng hợp báo cáo về tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ;

c) Báo cáo Bộ trưởng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

d) Dự thảo báo cáo 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Hướng dẫn, đôn đốc việc họp nhất của các đơn vị;

e) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc pháp điển của các đơn vị;

Red markings on the left edge of the page.

g) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Thẩm định quyết định công bố thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

b) Kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính: Công khai thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận, phân công xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công thương quy định tại văn bản quy phạm pháp luật; chủ trì phân công các đơn vị chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

c) Kiểm soát thời điểm có hiệu lực của thông tư trong quá trình phát hành đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều 151 của Luật;

d) Đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và gửi ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình.

đ) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

4. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm đối với các ý kiến chuyên môn tại dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

5. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chịu trách nhiệm đối với các ý kiến chuyên môn tại dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá.

Điều 45. Đảm bảo nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình bố trí cán bộ, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc, thông tin, các điều kiện cần thiết khác cho việc chuẩn bị, soạn thảo, tham gia ý kiến, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 46. Kinh phí xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Bộ Công Thương theo quy định hiện hành.

2. Trên cơ sở nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho đơn vị thuộc Bộ (bao gồm: các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ).

3. Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính bố trí kinh phí cho các đề tài nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi, đối tượng điều chỉnh rộng, phức tạp, có khả năng gây tác động lớn do đơn vị chủ trì xây dựng văn bản hoặc Vụ Pháp chế đề xuất, phù hợp với quy định trong hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ.

4. Các đơn vị được hỗ trợ kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo chế độ tài chính, đảm bảo đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành. Văn phòng Bộ hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc sử dụng và quyết toán kinh phí từng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 47. Thi đua, khen thưởng

1. Việc thực hiện đúng tiến độ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Quyết định ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương và cấp có thẩm quyền và không trái với quy định của pháp luật là một trong những căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

2. Đơn vị được giao làm đầu mối về công tác thi đua, khen thưởng lấy ý kiến Vụ Pháp chế về tiến độ soạn thảo văn bản của các đơn vị thuộc Bộ khi tiến hành đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 48. Xử lý trách nhiệm

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật không đảm bảo tiến độ và chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thi đua, khen thưởng và pháp luật khác có liên quan.

2. Lãnh đạo Bộ được giao nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực được phân công mà để chậm tiến độ thì bị phê bình trong tập thể Lãnh đạo Bộ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản; tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024, thay thế Thông tư số 08/2021/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ

Handwritten signature



10

trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

2. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Pháp chế) để được hướng dẫn, giải quyết./.

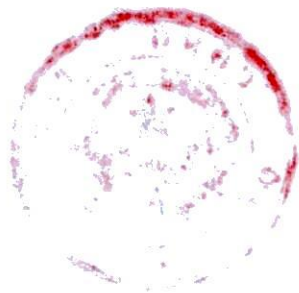
Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSNDTC; Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Lãnh đạo Bộ; đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



Handwritten text or markings on the left edge of the page, partially cut off.

Phụ lục I
MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH/ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHƯƠNG
TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HÀNG NĂM
CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số ⁴⁷.../2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình/chương trình điều chỉnh, bổ sung xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật năm ... của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ ...;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình/Chương trình điều chỉnh, bổ sung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm ... của Bộ Công Thương.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong Chương trình này phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị dự thảo văn bản trình cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Handwritten marks or scribbles in the top right corner.

Small red mark or stamp on the left edge.

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHƯƠNG TRÌNH****Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm ... của Bộ Công Thương**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương)***I. Dự thảo nghị định**

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú

II. Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú

III. Dự thảo thông tư/thông tư liên tịch

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú





10

10

Phụ lục II**MẪU PHIẾU LẤY Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BỘ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số **47**/2023/TT-BCT ngày **29** tháng **12** năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHIẾU LẤY Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BỘ****Về dự thảo Thông tư**

(Kèm theo các văn bản: ...)

Kính gửi: ...

Đơn vị chủ trì soạn thảo: ...

Ngày Vụ Pháp chế trình lấy ý kiến: ...

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CẦN XIN Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO

(Nếu đồng ý phương án nào, đánh dấu X vào ô bên cạnh)

1. Vấn đề 1:

Phương án 1: ...

Phương án 2: ...

Phương án...: ...

2. Vấn đề ...:

Phương án 1: ...

Phương án 2: ...

Phương án...: ...

II. Ý KIẾN (KHÁC) VỀ DỰ THẢO (nếu có): ...**III. BIỂU QUYẾT ĐỐI VỚI TOÀN BỘ NỘI DUNG DỰ THẢO**

(Đánh dấu X vào một trong hai ô ở bên cạnh)

1. Thông qua (sau khi các ý kiến trên được tiếp thu) **2. Không thông qua (nêu rõ lý do)**

Lãnh đạo Vụ Pháp chế

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

(Chữ ký của Lãnh đạo Bộ)

(Đề nghị đồng chí cho ý kiến trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày Vụ Pháp chế trình lấy ý kiến)



